

TESTO 830-T1 VÀ 830-T2 THIẾT BỊ ĐO NHIỆT ĐỘ HỒNG NGOẠI



1. Mô tả



2. Vận hành

Kết nối đầu dò: (chỉ cho Testo 830-T2)

Kết nối đầu dò nhiệt độ tới socket gắn đầu dò

2.1 Tắt/mở thiết bị

Mở nguồn thiết bị:  hoặc nút đo

Màn hình hiển thị sáng lên. Thiết bị chuyển sang chế độ hồng ngoại ( sáng lên)

Tắt nguồn thiết bị: Nhấn và giữ  cho tới khi màn hình tắt.

2.2 Các tùy chọn đo lường

 Đo bằng hồng ngoại

Bắt đầu đo: Giữ  hoặc nhấn phím đo.

Vị trí đối tượng được đo sử dụng điểm laser:

- Testo 830-T1: Điểm laser đặt tại trung tâm vật cần đo
- Testo 830-T2: Điểm laser đặt tại điểm trên và dưới vật cần đo.

Giá trị đo hiện thời được hiển thị

Kết thúc quá trình đo: Bùng nút đo ra. **HOLD** sáng lên, giá trị đo cuối cùng được giữ lại trên màn hình cho tới khi bắt đầu đo giá trị mới

 Đo tiếp xúc (chỉ với 830-T2):

Đầu đo nhiệt độ được kết nối

Đặt đầu dò trên/trong đối tượng cần đo và bắt đầu đo: 

Thiết bị chuyển sang chế độ đo tiếp xúc ( sáng lên): Giá trị đọc hiển thị

Trở lại chế độ đo hồng ngoại:  hoặc nhấn nút đo.

2.3 Cài đặt hệ số phát xạ:

Thiết bị đang trong chế độ đo hồng ngoại.

Chú ý: Thiết bị đang hiển thị hệ số phát xạ, nếu không có phím nào được nhấn trong khoảng 3s thì thiết bị sẽ chuyển sang chế độ đo hồng ngoại.

Nhấn đồng thời  và 

Đặt hệ số phát xạ:  hoặc 

Sau khi cài đặt xong thiết bị sẽ tự động chuyển sang chế độ đo hồng ngoại.

2.4 Cài đặt:

Tắt nguồn thiết bị

Chú ý: Nếu trong chế độ cài đặt, không có phím nào được nhấn trong khoảng 3s thiết bị sẽ tự động chuyển sang chế độ cài đặt tiếp theo.

Nhấn giữ  và 

Tất cả các dòng hiển thị sáng lên, thiết bị chuyển sang chế độ cài đặt.

Lựa chọn thông số (**°C** hoặc **°F**): 

Cài đặt cảnh báo (**ALARM**):  hoặc 

Cài đặt giới hạn cảnh báo (cảnh báo quá ngưỡng  hoặc cảnh báo dưới ngưỡng 

Tất cả các dòng hiển thị sáng lên, thiết bị chuyển sang chế độ đo hồng ngoại.

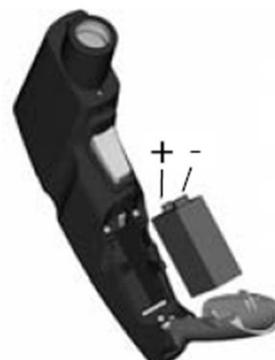
Có cảnh báo bằng chữ và cảnh báo âm thanh nếu giá trị cài đặt cảnh báo vượt quá ngưỡng.

3. Dịch vụ và bảo trì

3.1 Thay thế pin

Thiết bị phải được tắt nguồn.

- Mở ngăn pin:
Mở nắp pin
- Tháo pin đã sử dụng và thay pin mới vào.



Chú ý cực tính: +/-.

- Đóng nắp ngăn pin lại.

3.2 Vệ sinh thiết bị

Không được sử dụng hóa chất có tính chùi rửa mạnh

Chùi rửa vỏ thiết bị với 1 miếng vải mềm.

3.3 Hệ số phát xạ

Hệ số phát xạ của 1 số vật liệu quan trọng

Material (Temperature)	ϵ
Aluminium, bright-rolled (170°C/338°F)	0.04
Cotton (20°C/68°F)	0.77
Concrete (25°C/77°F)	0.93
Ice, smooth (0°C/32°F)	0.97
Iron, polished (20°C/68°F)	0.24
Iron with cast skin (100°C/212°F)	0.80
Iron with rolled skin (20°C/68°F)	0.77
Plaster (20°C/68°F)	0.90
Glass (90°C/194°F)	0.94
Rubber, hard (23°C/73°F)	0.94
Rubber, soft grey (23°C/73°F)	0.89
Wood (70°C/158°F)	0.94
Cork (20°C/68°F)	0.70

Material (Temperature)	ϵ
Heat sink, black anodised (50°C/122°F)	0.98
Copper, lightly tarnished (20°C/68°F)	0.04
Copper, oxidised (130°C/266°F)	0.76
Plastics: PE, PP, PVC (20°C/68°F)	0.94
Brass, oxidised (200°C/392°F)	0.61
Paper (20°C/68°F)	0.97
Porcelain (20°C/68°F)	0.92
Black paint, matt (80°C/176°F)	0.97
Steel, heat-treated surface (200°C/392°F)	0.52
Steel, oxidised (200°C/392°F)	0.79
Clay, fired (70°C/158°F)	0.91
Transformer paint (70°C/158°F)	0.94
Brick, mortar, plaster (20°C/68°F)	0.93